

Phụ lục XIV
DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ TTHC PHẢI SỐ HÓA CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
1	2.002192	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Bồi thường nhà nước	<p><i>a. Trường hợp người bị thiệt hại trực tiếp yêu cầu bồi thường : Văn bản yêu cầu bồi thường; Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường; Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại; Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có).</i></p> <p><i>b. Trường hợp người yêu cầu bồi thường là người thừa kế (nếu có nhiều người thừa kế thì những người thừa kế đó phải cử ra một người đại diện) hoặc là người đại diện của người bị thiệt hại thì ngoài các tài liệu quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017, hồ sơ còn phải có các tài liệu sau đây: Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại; Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền.</i></p> <p><i>c. Hồ sơ giải quyết yêu cầu bồi thường của cơ quan</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Văn bản thụ lý hồ sơ.- Văn bản Cử người giải quyết bồi thường.- Tạm ứng kinh phí bồi thường thiệt hại.	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản Xác minh thiệt hại. - Văn bản thương lượng việc bồi thường. - Quyết định giải quyết bồi thường (Kết quả). 	
2	2.002191	Phục hồi danh dự	Bồi thường nhà nước	<p>a) <i>Chủ động phục hồi danh dự:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 17/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP). - Biên bản trả lời thông báo tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 18/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP). Trường hợp cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại đã Thông báo nhưng người bị thiệt hại chưa đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự mà yêu cầu sau thì thành phần hồ sơ gồm: Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 17/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP); Ý kiến của người bị thiệt hại đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự; Văn bản đề nghị phục hồi danh dự. <p>b) <i>Phục hồi danh dự theo yêu cầu của người bị thiệt hại:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản yêu cầu bồi thường (mẫu 01/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP); - Nội dung xin lỗi và cải chính công khai (kết quả) 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
3	2.002193	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	Bồi thường nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 trong Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, <i>Tư pháp thực hiện việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường khi người yêu cầu bồi thường chưa xác định ngay được cơ quan giải quyết bồi thường.</i> - Hồ sơ do các cơ quan không thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường chuyển sang trong Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP; - Văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường (kết quả). 	
4	1.000112	Bổ nhiệm công chứng viên	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị bổ nhiệm công chứng viên theo Mẫu TP-CC-03-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. - Phiếu lý lịch tư pháp. - Bản sao bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ, tiến sĩ luật. - Giấy tờ chứng minh về thời gian công tác pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 01/2021/TT-BTP; - Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng. Đối với người được miễn 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>đào tạo nghề công chứng thì phải có bản sao giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng và giấy tờ chứng minh là người được miễn đào tạo nghề công chứng quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Công chứng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng; - Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp. <p>Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Sở Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp xem xét bổ nhiệm. - Quyết định bổ nhiệm Công chứng viên. 	
5	1.000100	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên theo Mẫu TP-CC-05-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. - Phiếu lý lịch tư pháp; - Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp; - Bản sao quyết định miễn nhiệm công chứng viên; - Bản sao các giấy tờ chứng minh lý do miễn nhiệm không còn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Công chứng. 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				Kết quả: - Tờ trình của Sở Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp xem xét bổ nhiệm lại. - Quyết định bổ nhiệm Công chứng viên.	
6	1.001799	Cấp lại Thẻ Công chứng viên	Công chứng	- Giấy đề nghị cấp lại Thẻ công chứng viên theo Mẫu TP-CC-07-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ); - Thẻ công chứng viên đang sử dụng (trong trường hợp Thẻ bị hỏng). - Quyết định cấp lại Thẻ công chứng viên (Kết quả)	
7	1.001438	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	- Báo cáo bằng văn bản của tổ chức hành nghề công chứng về việc chấm dứt tập sự hành nghề công chứng. - Quyết định chấm dứt tập sự hành nghề công chứng (Kết quả)	
8	1.001647	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	Công chứng	- Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng, trong đó có nội dung: Tên, địa chỉ trụ sở, danh sách công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; tên, số Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giá	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>chuyển nhượng, việc thanh toán tiền và bàn giao Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác có liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản cam kết của các công chứng viên nhận chuyển nhượng về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, tiếp nhận toàn bộ yêu cầu công chứng đang thực hiện và hồ sơ đang được lưu trữ tại Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; - Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; - Bản sao Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên đối với công chứng viên nhận chuyển nhượng dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng; - Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; - Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng. <p>Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản Sở Tư pháp trình UBND tỉnh. - Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng của UBND tỉnh. 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
9	1.001756	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên theo Mẫu TP-CC-06-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;- Quyết định bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại công chứng viên (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu); - 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ); - Giấy tờ chứng minh công chứng viên là hội viên Hội công chứng viên tại địa phương hoặc hội viên Hiệp hội công chứng viên Việt Nam; - Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề đấu giá, quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại, giấy tờ chứng minh đã chấm dứt công việc thường xuyên khác; giấy tờ chứng minh đã được Sở Tư pháp xóa đăng ký hành nghề ở tổ chức hành nghề công chứng trước đó hoặc văn bản cam kết chưa đăng ký hành nghề công chứng kể từ khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên. - Quyết định đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên (Kết quả) 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
10	2.000789	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-09-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng phù hợp với nội dung đã nêu trong đề án thành lập; - Hồ sơ đăng ký hành nghề của các công chứng viên hợp danh, công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng công chứng (nếu có). <p>Lưu ý: Trong trường hợp cần sử dụng đến thông tin về nơi cư trú của người dân thì cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện khai thác thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo một trong các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Nếu không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP,</p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>ơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công có thể yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP.</p> <p>Các loại giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú được quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ Căn cước công dân, - Chứng minh nhân dân, - Giấy xác nhận thông tin về cư trú, - Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. - Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng <p>(Kết quả)</p>	
11	2.000766	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-09-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng; - Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên; - Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng (Kết quả) 	
12	1.001071	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a) hoặc (Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP; - Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu). - Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Kết quả) 	
13	1.001446	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP. - Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).</p> <p>- Quyết định đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Kết quả)</p>	
14	1.001721	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	<p>- Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-10); - Quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng;</p> <p>- Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng;</p> <p>- Giấy tờ chứng minh đã nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng.</p> <p>- Văn bản thông báo về việc đủ điều kiện tham dự kiểm tra (Kết quả)</p>	
15	1.001688	Hợp nhất Văn phòng công chứng	Công chứng	<p>- Hợp đồng hợp nhất Văn phòng công chứng;</p> <p>- Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng được hợp nhất tính đến ngày đề nghị hợp nhất;</p> <p>- Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng được hợp nhất;</p> <p>- Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng được hợp nhất;- Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký</p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>hoạt động của các Văn phòng công chứng được hợp nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng (Kết quả) 	
16	1.000075	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn nhiệm công chứng viên theo Mẫu TP-CC-04-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên của Sở Tư pháp. <p>Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Sở Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp xem xét miễn nhiệm. - Quyết định miễn nhiệm Công chứng viên. 	
17	1.001665	Sáp nhập Văn phòng công chứng	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng sáp nhập Văn phòng công chứng, trong đó có các nội dung: Tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; thời gian thực hiện sáp nhập; phương án chuyển tài sản của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập sang Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; phương án sử dụng lao động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>các Văn phòng công chứng bị sáp nhập và các nội dung khác có liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng tính đến ngày đề nghị sáp nhập; - Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng; - Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng; - Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng. - Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng (Kết quả) 	
18	1.001877	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-08-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Đề án thành lập Văn phòng công chứng; - Bản sao quyết định bổ nhiệm công chứng viên tham gia thành lập Văn phòng công chứng. <p>Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Sở Tư pháp gửi UBND xem xét. 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của UBND tỉnh cho phép thành lập Văn phòng công chứng. 	
19	2.000778	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Bản chính giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; - Một số giấy tờ sau đây tùy thuộc vào nội dung đăng ký hoạt động được đề nghị thay đổi. Cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp thay đổi tên gọi của Văn phòng công chứng: Văn bản thỏa thuận của các thành viên hợp danh về việc thay đổi tên gọi của Văn phòng công chứng; + Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng: Giấy tờ chứng minh về trụ sở mới; + Trường hợp Văn phòng công chứng thay đổi Trưởng Văn phòng: Giấy tờ chứng minh công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên, kèm theo thỏa thuận bằng văn bản của các 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>thành viên hợp danh về việc thay đổi Trưởng Văn phòng;</p> <p>+ Trường hợp Văn phòng công chứng bổ sung công chứng viên: Văn bản chấp thuận của các công chứng viên hợp danh trong trường hợp bổ sung công chứng viên hợp danh hoặc hợp đồng lao động trong trường hợp bổ sung công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động kèm theo hồ sơ đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên;</p> <p>+ Trường hợp Văn phòng công chứng giảm số lượng công chứng viên: Văn bản chấp thuận của các công chứng viên hợp danh và văn bản thông báo về việc chấm dứt tư cách thành viên hợp danh theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư số 01/2021/TT-BTP hoặc giấy tờ chứng minh công chứng viên chấm dứt tư cách thành viên hợp danh trong các trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 của Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng hoặc quyết định miễn nhiệm công chứng viên hoặc văn bản chấm dứt hợp đồng lao động với công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng.</p> <p>- Giấy đăng ký hoạt động văn phòng công chứng cấp lại hoặc ghi nhận nội dung (Kết quả)</p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
20	2.000743	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; - Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên. - Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng (Kết quả) 	
21	2.000758	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên đang hành nghề tại các Văn phòng công chứng bị sáp nhập. - Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập đã được thay đổi (Kết quả) 	
22	1.001125	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP. - Thông báo về việc thay đổi nơi tập sự (Kết quả) 	
23	1.001153	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự: Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-03) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP. - Đối với Sở Tư pháp nơi chuyển đến: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BTP. + Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (bản sao 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).</p> <p>+ Quyết định xoá đăng ký tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự (Mẫu TP-TSCC-04).</p> <p>Kết quả:</p> <p>- Quyết định xoá đăng ký tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp nơi đã tập sự hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.</p> <p>- Hoặc Quyết định đăng ký tập sự của Sở Tư pháp nơi chuyển đến hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.</p>	
24	2.002387	Xoá đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	Công chứng	<p>- Thông báo của tổ chức hành nghề công chứng.</p> <p>- Quyết định xoá đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên (Kết quả).</p>	
25	1.012019	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	<p>- Văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự;</p> <p>- Báo cáo kết quả tập sự và Sổ nhật ký tập sự (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).</p> <p>- Quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng (Kết quả)</p>	
26	2.001258	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	<p>- Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>- Quyết định cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (Kết quả).</p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
27	2.001807	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	Đấu giá tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Thẻ đấu giá viên; - 01 ảnh màu cỡ 2 cm x 3 cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh); - Quyết định cấp lại Thẻ đấu giá viên (Kết quả). 	
28	2.001815	Cấp Thẻ đấu giá viên	Đấu giá tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Thẻ đấu giá viên; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của đấu giá viên được đề nghị cấp Thẻ; - 01 ảnh màu cỡ 2 cm x 3 cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh). 	
29	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh; - Quyết định thành lập chi nhánh; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của Trưởng chi nhánh; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh; - Quyết định đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản (Kết quả). 	
30	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá. - Báo cáo kết quả tập sự hành nghề đấu giá. - Danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá (Kết quả). 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
31	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động; - Quyết định thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (Kết quả).	
32	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động; - Điều lệ của doanh nghiệp đối với công ty đấu giá hợp danh; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, Chứng chỉ hành nghề đấu giá của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản, cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản. - Quyết định đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (Kết quả).	
33	2.001225	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	Đấu giá tài sản	- Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến. - Quyết định phê duyệt tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến (Kết quả).	
34	1.001122	Bổ nhiệm và cấp Thẻ giám định tư pháp	Giám định tư pháp	- Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Giám định tư pháp hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm. - Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp. - Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc. - Chứng chỉ đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự. - 02 ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm (chụp trong thời gian 6 tháng gần nhất) để phục vụ việc cấp thẻ. - Quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp (Kết quả). 	
35	1.001117	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp giấy đăng ký hoạt	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động. - Giấy đăng ký hoạt động cấp lại (Kết quả). 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		động bị hư hỏng hoặc bị mất			
36	2.000555	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động; Giấy đăng ký hoạt động cũ. - Giấy đăng ký hoạt động cấp lại (Kết quả). 	
37	1.009832	Cấp lại Thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp. Trường hợp thẻ bị mất hoặc có thay đổi nội dung ghi trên thẻ thì đơn đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp phải có xác nhận của cơ quan, đơn vị chủ quản. - Thẻ giám định viên tư pháp đang sử dụng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin đã được ghi trên thẻ; thẻ giám định viên tư pháp trong trường hợp thẻ cũ bị hỏng; - 02 ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm (chụp trong thời gian 06 tháng gần nhất) của người đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp. - Thẻ giám định viên tư pháp (Kết quả). 	
38	2.000890	Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin phép thành lập; - Bản sao Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp; - Đề án thành lập Văn phòng giám định tư pháp phải nêu rõ mục đích thành lập; dự kiến về tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định theo quy định của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định và kế hoạch triển khai thực hiện; - Quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp (Kết quả). 	
39	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị chuyển đổi; - Đề án chuyển đổi loại hình hoạt động, trong đó nêu rõ lý do chuyển đổi, tình hình tổ chức và hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp tính đến ngày đề nghị chuyển đổi, dự kiến về tổ chức, tên gọi, địa điểm đặt trụ sở, nhân sự, điều kiện vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định; - Bản sao quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp là thành viên hợp danh của Văn phòng; - Quyết định cho phép thành lập Văn phòng; - Dự thảo Quy chế mới về tổ chức, hoạt động của Văn phòng. - Quyết định cho phép chuyển đổi loại hình (Kết quả). 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
40	2.000823	Đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đăng ký hoạt động. - Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp. - Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp theo Đề án thành lập quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Luật giám định tư pháp. - Bản sao quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp. - Giấy đăng ký hoạt động (Kết quả). 	
41	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức đã đề nghị bổ nhiệm người đó; - Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật giám định tư pháp: <ul style="list-style-type: none"> + Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật giám định tư pháp. + Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật giám định tư pháp.+ Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp. + Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật giám định tư pháp. + Theo đề nghị của giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng có quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc. - Quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp (Kết quả) .	
42	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định tư pháp của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	- Đơn xin phép thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định; - Đề án về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định, trong đó nêu rõ điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định theo quy định của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định và kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định; - Bản sao quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp phù hợp với việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định; - Quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp đã được cấp; - Văn bản bổ sung thêm lĩnh vực giám định tư pháp (Kết quả) .	
43	1.008914	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh	Hòa giải thương mại	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; - Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam		mại/chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam (Kết quả) .	
44	1.009283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; - Báo cáo về việc thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng lao động, hoàn tất các vụ việc đã nhận. - Quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh (Kết quả). 	
45	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hoà giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại; - Báo cáo về việc thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng, hoàn tất các vụ việc đã nhận của Trung tâm hòa giải thương mại. - Quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại (Kết quả). 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
46	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao đã đối chiếu Giấy phép thành lập chi nhánh; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh. - Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam (Kết quả). 	
47	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành; - Quyết định thành lập chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại. - Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại (Kết quả). 	
48	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao đã đối chiếu Giấy phép thành lập Trung tâm; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm. - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại (Kết quả). 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác			
49	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao đã đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng sau đại học; - Giấy tờ chứng minh đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc. - Thông báo/Quyết định ghi tên vào danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc (Kết quả). 	
50	2.002047	Thay đổi tên gọi trong giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp về việc thay đổi tên gọi của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực. - Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động. - Quyết định thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm (Kết quả). 	
51	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong giấy đăng ký hoạt động của chi	Hòa giải thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động. 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam		- Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh (Kết quả).	
52	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Giấy chứng nhận sức khỏe; - Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sĩ luật; - Bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư; - Quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề luật sư (Kết quả). 	
53	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Giấy chứng nhận sức khỏe; - Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sĩ luật trừ những người là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sĩ luật; - Văn bản giải trình, cam kết về quá trình phấn đấu về việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi làm việc cuối cùng của người đó trước thời điểm đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc của công an xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú (đối với người thuộc 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2a của Nghị định số 137/2018/NĐ-CP); - Bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư. - Quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật, Chứng chỉ hành nghề luật sư (Kết quả).	
54	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Luật sư	- Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Giấy chứng nhận sức khỏe; - Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sĩ luật trừ những người là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sĩ luật; - Bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra hoặc bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư. - Quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề luật sư (Kết quả).	
55	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi	Luật sư	- Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Giấy chứng nhận sức khỏe; - Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sĩ luật trừ những người là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sĩ luật;	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra hoặc bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư. - Quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề luật sư (Kết quả). 	
56	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu thống nhất; - Dự thảo Điều lệ của công ty luật (đối với trường hợp là công ty luật); - Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư của luật sư thành lập văn phòng luật sư, thành lập hoặc tham gia thành lập công ty luật; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư. - Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Kết quả). 	
57	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư. - Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Kết quả). 	
58	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật; - Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và người dự kiến là đại diện theo pháp luật đối với việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư, công ty luật; - Thẻ luật sư của người dự kiến là đại diện theo pháp luật. - Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Kết quả). 	
59	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư. - Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Kết quả). 	
60	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh; - Bản sao Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư thành lập chi nhánh; - Quyết định thành lập chi nhánh; - Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao Thẻ luật sư của Trưởng chi nhánh; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh; - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư (Kết quả). 	
61	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đăng ký hành nghề luật sư; - Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư; - Bản sao Hợp đồng lao động ký kết với cơ quan, tổ chức. 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				- Giấy đăng ký hành nghề luật sư của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân (Kết quả) .	
62	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	- Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở; Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (Kết quả) .	
63	1.002198	Thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	- Giấy đề nghị thay đổi đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài; - Bản sao Giấy phép thành lập của chi nhánh, công ty luật nước ngoài; - Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Bộ Tư pháp. - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (Kết quả) .	
64	1.002218	Hợp nhất công ty luật	Luật sư	- Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật; - Hợp đồng hợp nhất, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị hợp nhất; - Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị hợp nhất; - Điều lệ của công ty luật hợp nhất. - Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất (Kết quả) .	
65	1.002234	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	- Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật;	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng sáp nhập công ty luật, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị sáp nhập; - Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập. - Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật nhận sáp nhập (Kết quả). 	
66	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích, lý do chuyển đổi và cam kết về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi; - Dự thảo Điều lệ của công ty luật chuyển đổi; - Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi; - Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao Thẻ luật sư của các luật sư thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật chuyển đổi; - Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở. - Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyển đổi (Kết quả). 	
67	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam	Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị chuyển đổi; - Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài		- Dự thảo Điều lệ của công ty luật Việt Nam. - Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyên đổi (Kết quả) .	
68	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam; - Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam; - Giấy tờ chứng minh trụ sở của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam. - Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam. (Kết quả)	
69	1.002368	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài. - Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài. - Giấy tờ chứng minh về trụ sở. - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (Kết quả) .	
70	2.000488	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Lý lịch tư pháp	- Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu quy định(Mẫu số 03/2013/TT-LLTP; Mẫu số 04/2013/TT-LLTP); - Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp (trường hợp các thông tin chưa có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT); Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền thì không cần văn bản ủy quyền). Văn bản ủy quyền phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; - Phiếu lý lịch tư pháp số 1, Phiếu lý lịch tư pháp số 2 (kết quả).	
71	2.001417	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	Lý lịch tư pháp	- Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức (Mẫu số 05a/2013/TT-LLTP); - Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (kết quả)	
72	2.000505	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Lý lịch tư pháp	- Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng (Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP); - Phiếu lý lịch tư pháp số 2 (kết quả).	
73	2.002349	Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi	- Biểu mẫu điện tử tương tác Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (trường hợp nộp trực tuyến).	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận con nuôi trong nước (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn; + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; - Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp; - Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi; - Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật nước láng giềng; - Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú tại khu vực biên giới làm con nuôi (kết quả). 	
74	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng; - Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (kết quả) .	
75	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	Nuôi con nuôi	Hồ sơ của người nhận con nuôi: - Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt - Anh); - Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; - Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; - Bản điều tra về tâm lý, gia đình; - Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe; - Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn. + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; - Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm,	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>tính đến ngày nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm);</p> <p>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh; - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; - Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;- Quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng; - Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định nhưng không thành đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu. - Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đối với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột trong trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó; - Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (kết quả) <p><u>Lưu ý:</u> Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. - Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. 	
76	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	Hồ sơ của người nhận con nuôi:	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		<p>đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Biểu mẫu điện tử tương tác Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; - Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột, song ngữ Việt-Anh); - Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; - Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; - Bản điều tra về tâm lý, gia đình; - Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe; - Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn; + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; - Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha dượng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi; Giấy tờ, tài liệu 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi;</p> <p>Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hoá lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại; - Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. <p>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi (trường hợp các thông tin chưa có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT); - Giấy khai sinh; - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; - Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản lấy ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi của cha mẹ đẻ, người giám hộ và của trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên; - Văn bản của Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài; - Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi); - Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đối với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột. 	
77	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở	Nuôi con nuôi	Hồ sơ của người nhận con nuôi:	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột, song ngữ Việt-Anh); - Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; - Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; - Bản điều tra về tâm lý, gia đình; - Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe; - Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản; - Phiếu lý lịch tư pháp; - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn; + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; - Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha dưỡng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi; + Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi; <p>Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:</p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại; - Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam; <p>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh; - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; - Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản lấy ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi của cha mẹ đẻ, người giám hộ và của trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên; - Văn bản của Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài. - Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi). - Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đối với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột. 	
78	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. - Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>nhân; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh nghiệp tư nhân (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu lý lịch tư pháp của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh; - Quyết định ghi tên doanh nghiệp vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (Kết quả). 	
79	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thay đổi. - Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của thành viên hợp danh mới; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân mới. - Quyết định thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân cho doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. (Kết quả) 	
80	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. - Thay đổi thông tin về tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp trong danh sách Quản tài 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (Kết quả).	
81	1.001633	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	- Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. - Thay đổi thông tin về địa chỉ giao dịch của quản tài viên trong Danh sách quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (Kết quả).	
82	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân. - Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. - Phiếu lý lịch tư pháp của người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân nộp (trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Sở Tư pháp). - Văn bản ghi tên vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Kết quả).	
83	1.005136	Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam: - Giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp. - Bản sao giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam (Giấy khai sinh; trường hợp Giấy	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi) hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nhưng trên đó ghi họ tên Việt Nam của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó;</p> <p>- Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng;</p> <p>Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP:</p> <p>- Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>- Bản khai lý lịch;</p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Một trong các giấy tờ để làm cơ sở xác minh về quốc tịch, gồm: bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ từ năm 1945 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; - Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng; - Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam - Mẫu TPQT-2024-XNCQTVN (kết quả). 	
84	2.001895	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để chứng minh khi sinh ra người đó có 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam. - Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng; - Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam - Mẫu TPQT-2024-XNNGVN (kết quả). 	
85	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam; - Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế. Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p> cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; - Bản khai lý lịch; - Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ; - Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn </p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>về khả năng nghe, nói, đọc viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú); - Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam); - Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con; - Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; - Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là: <ul style="list-style-type: none"> + Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam thì phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; + Nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành;</p> <p>+ Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam);</p> <p>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:</p> <p>+ Đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: có</p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng;</p> <p>+ Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam; - Quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam (kết quả) .	
86	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam; - Bản khai lý lịch; - Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 của Luật quốc tịch năm 2008; - Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ; - Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp; - Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. - Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con; - Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; - Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; - Bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam; Quyết định của Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch Việt Nam (kết quả). 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
87	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam; - Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế; - Bản khai lý lịch; - Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ; - Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (là một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó); - Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam: Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy tờ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế,</p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó.</p> <p>- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.</p> <p>- Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai</p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia; - Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; - Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh: <ul style="list-style-type: none"> + Đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng;</p> <p>+ Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>- Quyết định của Chủ tịch nước cho trở lại quốc tịch Việt Nam (kết quả)</p> <p>Lưu ý:</p> <p>- Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;</p> <p>- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt;</p> <p>- Bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p>	
88	1.000390	Cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	<p>- Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, trong đó có xác nhận của Trung tâm tư vấn pháp luật hoặc Chi nhánh về tình trạng của Thẻ tư vấn viên pháp luật;</p>	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ tư vấn viên pháp luật cũ (trong trường hợp Thẻ bị hư hỏng); - Thẻ Tư vấn viên pháp luật cấp lại (Kết quả). 	
89	1.000426	Cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật; - Bản sao Bằng cử nhân luật; - Giấy xác nhận về thời gian công tác pháp luật của người được đề nghị; - Thẻ tư vấn viên pháp luật (Kết quả). 	
90	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động; - Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật; về việc cử Giám đốc của Trung tâm tư vấn pháp luật; - Dự thảo quy chế tổ chức, hoạt động của Trung tâm tư vấn do tổ chức chủ quản ban hành; - Danh sách kèm theo hồ sơ của người được đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, của luật sư làm việc theo hợp đồng lao động cho Trung tâm. - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật (Kết quả) 	
91	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động (Mẫu TP-TVPL-02-sđ); - Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật thành lập chi nhánh trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, hoặc bản sao Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật thành lập chi nhánh; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Chi nhánh; - Bản sao có chứng thực Thẻ luật sư của luật sư hoặc Thẻ tư vấn viên pháp luật của người dự kiến làm Trưởng chi nhánh trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, hoặc bản sao Thẻ luật sư của luật sư hoặc Thẻ tư vấn viên pháp luật của người dự kiến làm Trưởng chi nhánh trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; - Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật (Kết quả). 	
92	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh; - Giấy xác nhận trụ sở mới của Trung tâm, Chi nhánh trong trường hợp thay đổi trụ sở; - Quyết định về việc cử Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh trong trường hợp thay đổi Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh; - Hồ sơ đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, hồ sơ của luật sư trong trường hợp bổ sung tư vấn viên pháp luật, luật sư; - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật (Kết quả). 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
93	1.000404	Thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị của Trung tâm tư vấn pháp luật. - Quyết định thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật (Kết quả). 	
94	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị bổ nhiệm lại Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Phiếu lý lịch tư pháp được cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; - Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định miễn nhiệm Thừa phát; - Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp giấy tờ chứng minh lý do miễn nhiệm không còn; - Quyết định bổ nhiệm lại Thừa phát lại (Kết quả). 	
95	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại; - Bản thuyết minh về việc chuyển đổi loại hình hoạt động; - Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại; - Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại; - Quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Kết quả). 	
96	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại có công chứng; - Biên bản kiểm kê hồ sơ nghiệp vụ của Văn phòng được chuyển nhượng; - Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại của các Thừa phát lại nhận chuyển nhượng; - Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng; - Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 02 năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng được chuyển nhượng; - Văn bản cam kết của Thừa phát lại nhận chuyển nhượng; - Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại (Kết quả). 	
97	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại; - Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp Quyết định cho phép chuyển đổi; - Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại; - Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Kết quả). 	
98	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thành lập Văn phòng Thừa phát lại; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Bản thuyết minh về tổ chức, tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện; - Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại; - Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại (Kết quả). 	
99	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại; - Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; - Giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với việc chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng (trong trường hợp thay đổi trụ sở); - Hồ sơ đăng ký hành nghề của các Thừa phát lại: Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại; - Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát; - Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Kết quả). 	
100	1.008922	Bổ nhiệm Thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị bổ nhiệm Thừa phát lại; - Phiếu lý lịch tư pháp được cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật; - Giấy tờ chứng minh về thời gian công tác pháp luật bao gồm quyết định tuyển dụng, hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội; giấy tờ chứng minh đã miễn nhiệm, thu hồi chứng chỉ hành nghề hoặc thu hồi thẻ (đối với trường hợp miễn nhiệm, thu hồi); giấy tờ chứng minh đã nghỉ hưu hoặc thôi việc đối với Người đang là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; - Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề Thừa phát lại; - Quyết định bổ nhiệm Thừa phát lại (Kết quả). 	
101	1.008928	Cấp lại Thẻ thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Thẻ Thừa phát lại theo mẫu; - Thẻ Thừa phát lại trong trường hợp Thẻ bị hỏng. - Thẻ Thừa phát lại được cấp lại (Kết quả). 	
102	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại; - Thẻ Thừa phát lại được cấp (Kết quả). 	
103	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu; - Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại; - Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện quy định tại khoản 3, 4 Điều 17 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Hồ sơ đăng ký hành nghề của Thừa phát lại: Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại, Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại; - Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Kết quả). 	
104	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động, Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu; - Quyết định cho phép hợp nhất, Quyết định cho phép sáp nhập; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại; - Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của các Thừa phát lại đang hành nghề tại Văn phòng Thừa phát lại. 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				- Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Kết quả).	
105	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại	- Giấy đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại theo mẫu; - Chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghề Thừa phát lại hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề Thừa phát lại hoặc quyết định công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài. - Văn bản thông báo về việc đăng ký tập sự (Kết quả).	
106	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	- Giấy đề nghị hợp nhất, giấy đề nghị sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập; - Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng tính đến ngày đề nghị hợp nhất, sáp nhập; - Biên bản kiểm kê các hồ sơ nghiệp vụ và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng bị hợp nhất, sáp nhập; - Danh sách Thừa phát lại hợp danh và Thừa phát lại làm việc theo chế độ hợp đồng (nếu có) tại các Văn phòng; - Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng.	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				- Quyết định cho phép hợp nhất, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại (Kết quả).	
107	1.008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	Thừa phát lại	- Đơn đề nghị miễn nhiệm Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Quyết định bổ nhiệm Thừa phát lại; - Quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại (Kết quả).	
108	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Giấy tờ chứng minh việc thay đổi; - Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại. - Giấy đăng ký hoạt động (Kết quả).	
109	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề thừa phát lại	Thừa phát lại	- Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định. - Văn bản thông báo về việc thay đổi nơi tập sự (Kết quả).	
110	1.001248	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; - Giấy xác nhận về việc bị mất Giấy đăng ký hoạt động của công an cấp xã nơi mất giấy tờ (trong trường hợp bị mất).	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				- Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Kết quả).	
111	1.008889	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Trọng tài thương mại	- Đơn đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài (Mẫu số 04/TP-TTTM-sđ); - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; hoặc bản sao đã được đối chiếu; - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài. - Bản sao có chứng thực Điều lệ Trung tâm trọng tài; hoặc bản sao đã được đối chiếu. - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài (Kết quả).	
112	1.008905	Thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Trọng tài thương mại	- Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; - Giấy đăng ký hoạt động; - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; hoặc bản sao đã đối chiếu. - Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài (Kết quả).	
113	1.008904	Thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài; thay	Trọng tài thương mại	- Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		<p>Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 10/TP-TTTM-sđ);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; hoặc bản sao thì phải đã đổi chiếu; Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; hoặc bản sao đã đổi chiếu. - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau thay đổi (Kết quả). 	
114	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Trọng tài thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 05/TP-TTTM-sđ); - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; hoặc bản sao thì phải kèm đã đổi chiếu; - Bản chính Quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trọng tài; - Bản chính Quyết định của Trung tâm trọng tài về việc cử Trưởng Chi nhánh. - Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Trung tâm trọng tài (Kết quả). 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
115	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Trọng tài thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 05/TP-TTTM-sđ); - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh, hoặc bản sao đã đối chiếu; - Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Kết quả). 	
116	2.000954	Cấp lại giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu; - Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý được cấp lại (Kết quả). 	
117	2.000840	Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo về việc chấm dứt thực hiện trợ giúp pháp lý; - Bản chính Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp. - Quyết định công bố việc chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý (Kết quả). 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
118	2.000970	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý; - Bản sao Giấy đăng ký hoạt động; - Các tài liệu khác theo thông báo lựa chọn tổ chức (nếu có). - Hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý giữa Sở Tư pháp và tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật; - Hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý giữa Sở Tư pháp và tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật (Kết quả). 	
119	1.001233	Thay đổi nội dung giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu. - Bản chính Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp. - Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý được bổ sung nội dung thay đổi (Kết quả). 	
120	2.000596	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu. - Danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật đủ điều kiện thực hiện trợ giúp pháp lý theo mẫu. - Bản sao thẻ luật sư, thẻ tư vấn viên pháp luật. - Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (Kết quả). 	
121	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<p>nhân thân của người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch (trường hợp các thông tin chưa có trong CSDLQGVDC, CSDLHTĐT);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch theo mẫu đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức (<i>nếu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính</i>); Mẫu hộ tịch điện tử tương tác yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch (<i>nếu nộp hồ sơ trực tuyến</i>); - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. - Bản sao trích lục hộ tịch (Kết quả). 	
122	2.002516	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch (trường hợp các thông tin chưa có trong CSDLQGVDC, CSDLHTĐT); 	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú (trường hợp các thông tin chưa có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐ); - Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch; - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực; - Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Mẫu điện tử tương tác đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch, Bản điện tử Xác nhận thông tin hộ tịch (Kết quả). 	